

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2020/DS-PT

Ngày: 21-12-2020

*“V/v kiện đòi tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Thuần

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Huồn và bà Nguyễn Thị Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2020/TLPT-DS, ngày 26/10/2020 về việc *“Kiện đòi tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2020/DSST, ngày 11/9/2020 Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 247/2020/QĐ-PT, ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hội nông dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông D; địa chỉ: Thôn 10, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông T; địa chỉ: Thôn 9, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông K; địa chỉ: Thôn 9, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Người diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hội nông dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là Ông D trình bày:**

Vào ngày 25/4/2017 Ông T lấy phân bón của Hội nông dân xã E, loại phân hữu cơ vi sinh của Công ty ĐN do Hội nông dân xã E tín chấp cho hội viên nông dân thôn 9, xã E thông qua chi hội trưởng là Ông T với số lượng là 14 tấn phân hữu cơ vi sinh với giá là 3.600.000 đồng/tấn, Ông T đã thanh toán được 04 tấn, số lượng còn lại là 10 tấn chưa thanh toán.

Tại biên bản làm việc ngày 05/6/2018, Ông T xin khẩn chậm nhất đến ngày 10/7/2018 sẽ thanh toán cho Hội nông dân số tiền trên. Tuy nhiên, đến nay mặc dù Hội nông dân xã E đã nhiều lần yêu cầu, nhưng Ông T vẫn không thanh toán để Hội nông dân thanh toán lại cho Công ty. Nay ông D đại diện cho Hội nông dân xã E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông T phải thanh toán cho Hội nông dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 36.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

**\* Bị đơn Ông T trình bày:**

Vào tháng 4 năm 2017, Ông D có gọi các Chi Hội trưởng Hội nông dân lên để thông báo bán phân vi sinh của Công ty ĐN theo hình thức trả chậm cho các Hội viên. Lúc đó, Ông T là chi Hội trưởng chi hội nông dân thôn 9, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Ông T có thông báo cho các hộ trong thôn 9 và có 04 hộ lên đăng ký và nhận phân bón bao gồm: Hộ ông Vũ V, đăng ký 1 tấn; Hộ ông Nguyễn Văn M đăng ký 2 tấn; Hộ gia đình Ông T đăng ký 1 tấn và hộ Ông K đăng ký 10 tấn. Sau khi đăng ký thì ông D cùng với nhân viên Công ty ĐN trực tiếp chở phân bón đến các hộ đã đăng ký.

Năm 2017, hộ ông Vũ V và Nguyễn Văn M và hộ gia đình Ông T đã thanh toán hết tiền phân bón thông qua Ông D. Riêng Ông K chưa thanh toán cho Công ty số tiền 36.000.000 đồng tiền mua 10 tấn phân bón của Công ty ĐN.

Ngày 05/6/2018, khi Ông T đi qua UBND xã E thì ông D gọi Ông T vào phòng ông D và nói “Ký cho tôi một cái để tôi cùng công ty có cơ sở để lấy tiền phân ông K”. Lúc đó, Ông T đang vội vàng và không mang theo kính nên khi nghe ông D nói như vậy thì Ông T không đọc nội dung ông D viết trong biên bản làm việc ký vội và đi ngay nhưng Ông T thừa nhận các chữ ký tại “*Sổ theo dõi phân hữu cơ sinh học ĐN*” và “*biên bản làm việc đề ngày 05/6/2018*” là chữ ký của Ông T.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Hội nông dân xã E về việc yêu cầu Ông T trả 36.000.000 đồng thì Ông T không đồng ý trả. Vì số phân bón mà Ông T mua của Công ty thông qua hội nông dân xã E Ông T đã trả đủ cho công ty. Số nợ trên là của Ông K, đề nghị Tòa án triệu tập Ông K tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án. Ông D đã lợi dụng sự cả tin của Ông T để gài bẫy Ông T ký xác nhận công nợ của ông K. Ông T không nợ Hội nông dân xã E bất kỳ khoản nợ nào nên không đồng ý với yêu cầu của Hội nông dân xã E.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2020/DSST, ngày 11/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội nông dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị đơn Ông T phải thanh toán cho Hội nông dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 36.000.000 đồng.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa thuận thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2020 bị đơn Ông T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án hủy bản án sơ thẩm, vì lý việc mua bán 10 tấn phân bón giữa ông và Hội nông dân là không có.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Xét thấy việc khởi kiện của nguyên đơn Hội nông dân xã E là có căn cứ. Việc ông K có đăng ký nhận phân bón từ Ông T thì Ông T có thể khởi kiện ông K bằng vụ án khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2020/DSST, ngày 11/9/2020 Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk và miễn án phí cho Ông T vì Ông T là người cao tuổi.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Ông T nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 02/01/2017, Hội nông dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đại diện theo pháp luật là Ông D, ký hợp đồng kinh tế số 32/HĐKT-CTĐN với Công ty CPSX KT khoáng sản ĐN. Theo hợp đồng Hội nông dân xã E mua phân hữu cơ Sinh học DNA-Hỗn hợp 2 dạng bột của Công ty với giá 3.600 đồng/kg. Sau khi ký hợp đồng Hội nông dân xã E, thị xã B tín chấp cho các Hội viên tại sổ theo dõi phân hữu cơ sinh học ĐN năm 2017 của Hội nông dân xã E.

Theo trình bày của các bên thì Ông T (là chi hội trưởng thôn 9, xã E) lập danh sách các hội viên trong thôn 9 mua phân bón, tổng cộng thôn ông đăng ký là 14 tấn, trong đó, các hộ đăng ký đã thanh toán cho Hội nông dân 4 tấn phân, còn 10 tấn (do Ông K đăng ký) chưa thanh toán được. Do đó, Hội nông dân đã khởi kiện yêu cầu Ông T có trách nhiệm thanh toán đối với 10 tấn phân trên.

Nhận thấy, tại “*Biên bản làm việc ngày 05/6/2018*” giữa Ông D và Ông T thể hiện: “Ông T lấy cho hội viên nông dân với số lượng 10 tấn phân, thành tiền là 36.000.000 đồng, Ông T xin khẩn Ông D chậm nhất đến ngày 10-7-2018 sẽ thanh toán, để ông D thanh toán cho Công ty ĐN. Nếu sai hẹn Ông T không thực hiện thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”. Bên cạnh đó, tại “*Sổ theo dõi phân hữu cơ sinh học ĐN năm 2017*”, Ông T có ký nhận 10 tấn, đơn giá 3.600.000 đồng vào ngày 25/4/2017, là trùng khớp với nội dung vụ án, thể hiện việc Ông T có nhận 10 tấn phân bón hữu cơ (do Ông K đăng ký lấy 10 tấn theo Đơn đặt hàng ngày 24/5/2017) như nguyên đơn trình bày. Ông T thừa nhận các chữ ký tại “*Sổ theo dõi phân hữu cơ sinh học ĐN*” và “*Biên bản làm việc đề ngày 05/6/2018*” là chữ ký của Ông T.

Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2020 đối với ông Lê Công S - Chi hội trưởng Chi hội nông dân Thôn 9, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (bút lục 73) và đối với ông Y N Byă – Ban mặt trận buôn Km, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đều xác nhận: Vào khoảng tháng 9 năm 2018, ông Sang, ông Y N nhận phân bón của Hội nông dân để giao lại cho các hộ nông dân (hội viên) đăng ký phân trong thôn theo hình thức trả chậm. Các hội viên trả trước tiền xe và thanh toán trước ngày 30/12/2019. Trường hợp đến hạn thanh toán mà các hội viên chưa thanh toán được tiền phân thì ông Sang, ông Y N có trách nhiệm trả tiền cho hội nông dân, và sau đó thu tiền của các hội viên. Quy trình hoạt động là Hội nông dân ký hợp đồng mua bán với Công ty phân bón và sau đó phổ biến cho các Chi hội trưởng tại các phiên họp giao ban hàng tháng của Hội nông dân.

Như vậy, Ông T là chi hội trưởng thôn 9, việc lên danh sách các hộ nông dân trong thôn 9 cũng như việc thu tiền để thanh toán cho Hội nông dân xã E là trách nhiệm Ông T và thực tế Ông T đã thu tiền của ông Vũ V và ông Nguyễn Văn M và giao nộp cho Hội nông dân xã E. Trường hợp này, Ông K, là hội viên đăng

ký nhận phân, có sự chứng kiến của các hộ dân; thì Ông T có thể khởi kiện ông K bằng vụ án khác. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của Ông T.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn Ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, do Ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì những lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Ông T – Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2020/DSST, ngày 11/9/2020 Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; ; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội nông dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị đơn Ông T phải thanh toán cho Hội nông dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 36.000.000 đồng.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Hội nông dân xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk số tiền 900.000 đồng tạm ứng phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004608, ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Ông T được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ông T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà Ông T đã nộp tại biên lai số AA/2019/0015549, ngày 23/9/2020.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã B;
- VKSND thị xã B;
- CCTHADS thị xã B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Thuần**